

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TP
TỈNH BT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2021/HS-ST
Ngày: 15/6/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bích Thị Kim Pháp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Minh – cán bộ hưu trí

2. Bà Nguyễn Thị Bích Lam – Giáo viên hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Văn Hồng Lễ – Thư ký Tòa án huyện TP.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Vinh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2021/HSST, ngày 05 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TP, đối với bị cáo:

Họ và tên: PĐP, sinh ngày: 12.8.1992; giới tính: Nam; tại tỉnh NT; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu phố 02, phường Phú Hà, thành phố PRTC, tỉnh NT; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: lái xe máy xúc; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông PXM và bà NTM; vợ: LTNH con: 01 người con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt theo Quyết định truy nã ngày 17/02/2021, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện TP (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 21/02/2017, NCK được công ty TNHH đầu tư Đăng Nam giao nhiệm vụ điều khiển xe ô tô tải ben biển số 86C-066.65 vào công trường nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4 để chở đất cho Công ty Ecoba. Khi vào đến nơi K thấy có Lê Văn T và PĐP đang lái máy xúc cách chỗ K chở đất khoảng 200 mét.

Do có sự quen biết trước đó nên lúc K chở đất được khoảng 03 chuyến thì Phát gọi điện thoại cho K nói “có mớ dây đồng ở gần kho chứa than lát nữa lấy trộm chở ra ngoài bán lấy tiền tiêu xài”, K đồng ý và tiếp tục lái xe đi chở đất.

Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, K điều khiển xe ô tô tải biển số 86C-066.65 vào công trường chở đất chuyến cuối cùng thì gặp Phát rủ đến nơi để số dây điện đồng như đã hứa hẹn trước đó. Khi đến nơi K và Phát thấy T điều khiển xe máy mướm đi ngang qua nên rủ T lấy trộm dây đồng bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, T đồng ý. K leo lên thùng xe tải biển số 86C-066.65, T và Phát đứng dưới đất đưa 14 đoạn dây đồng có vỏ bọc nhựa màu đen, đường kính 3,8 cm trên vỏ ký hiệu 1Cx500SQmm cho K bỏ vào thùng xe, sau đó T điều khiển xe máy mướm xúc đất đổ lên để che lấp số dây điện đồng trộm cắp nhằm tránh bảo vệ công phát hiện. Khi thực hiện xong, K một mình điều khiển xe ô tô tải biển số 86C-066.65 chạy ra cổng B1 mở rộng của Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4 thì bị bảo vệ chặn lại kiểm tra theo quy định, khi bị phát hiện trên xe có chở dây điện đồng thì K điều khiển xe ô tô tải biển số 86C-066.65 bỏ chạy ra khỏi cổng rồi chạy theo đường nội bộ của nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân khoảng 500 – 600 mét có bãi đất trống nên K dừng xe và ben thùng xe tải đổ số dây điện đồng vừa trộm cắp được cùng số đất trên xe xuống bãi đất trống. K tiếp tục điều khiển xe ô tô tải biển số 86C-066.65 chạy ra đường QL1A hướng về tỉnh NT để lẫn trốn. Khi chạy đến vị trí bãi đất trống thuộc địa phận xã CN, huyện TN, tỉnh NT, K dừng xe tại đây rồi dùng điện thoại gọi cho Lưu Hải Nam (là người quản lý công ty TNHH Đăng Nam) biết toàn bộ sự việc, yêu cầu Nam cho người đến đưa xe ô tô tải biển số 86C-066.65 về, còn K bỏ trốn. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, T dùng điện thoại liên hệ với K và K đã kể lại sự việc trộm cắp đã bị bảo vệ phát hiện nên T bỏ trốn, sau đó T và K đã đến cơ quan công an trình diện, khai báo về hành vi phạm tội của mình.

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐG ngày 22.3.2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện TP, kết luận:

+ Dây điện lõi đồng có bọc nhựa vỏ ký hiệu 1Cx500SQmm màu đen, gồm 14 đoạn, đem cân thực tế có trọng lượng 333,4kg/75,77 mét trị giá: 102.000 đồng/kg x 333,4kg = 34.006.800 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP: Vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố theo Cáo trạng số: 57/CT-VKSTP-HS, ngày 04/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TP.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo PĐP phạm tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Căn cứ: Khoản 1 Điều 138; Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo PĐP mức án từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù. Thời gian tính tù tính từ ngày 17.02.2021.

Về xử lý vật chứng và phần bồi thường dân sự: đã được xử lý ở vụ án trước nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Bị cáo không tranh luận và đồng ý quan điểm truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện TP: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Về chứng cứ buộc tội bị cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, bị cáo khẳng định những lời khai của mình trong quá trình điều tra vụ án là hoàn toàn tự nguyện, không bị bức cung, ép cung và bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng pháp luật, không oan sai. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 21/02/2017, do có sự quen biết trước với NCK khi thấy vào công trường nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4 thì bị cáo gọi điện thoại cho K nói “có mớ dây đồng ở gần kho chứa than lát nữa lấy trộm chở ra ngoài bán lấy tiền tiêu xài”, K đồng ý và tiếp tục lái xe đi chở đất.

Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, K điều khiển xe ô tô tải biển số 86C-066.65 vào công trường chở đất chuyển cuối cùng thì bị cáo rủ đến nơi để số dây điện đồng như đã hứa hẹn trước đó. Khi đến nơi K và bị cáo thấy T điều khiển xe máy mức đi ngang qua nên rủ T lấy trộm dây đồng bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, T đồng ý. K leo lên thùng xe tải biển số 86C-066.65, T và bị cáo đứng dưới đất đưa 14 đoạn dây đồng có vỏ bọc nhựa màu đen, đường kính 3,8 cm trên vỏ ký hiệu 1Cx500SQmm cho K bỏ vào thùng xe, sau đó T điều khiển xe máy mức xúc đất đổ lên để che lấp số dây điện đồng trộm cắp nhằm tránh bảo

vệ công phát hiện. Bị cáo trốn đến ngày 17/02/2021 bị bắt theo Quyết định truy nã số: 02/PC44 của Công an tỉnh BT ngày 12/10/2017.

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐG ngày 22.3.2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện TP, kết luận:

+ Dây điện lõi đồng có bọc nhựa vỏ ký hiệu 1Cx500SQmm màu đen, gồm 14 đoạn, đem cân thực tế có trọng lượng 333,4kg/75,77 mét trị giá: 102.000 đồng/kg x 333,4kg = 34.006.800 đồng.

Vì vậy, Cáo trạng số: 57/CT-VKS-TP ngày 04/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TP truy tố bị cáo PĐP phạm vào tội: Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Bị cáo là công dân có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận biết được hành vi trộm cắp tài sản của là vi phạm pháp luật nhưng vì bản tính tham lam, lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nhưng không do sức lao động của bản thân làm ra, bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản của máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4 với số tiền 34.006.800 đồng. Bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp, với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi của bị cáo đã xâm hại tới quyền sở hữu tài sản của nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Hơn nữa, khi phạm tội xong, bị cáo còn bỏ trốn một thời gian dài, gây khó khăn cho việc điều tra. Đến ngày 17/02/2021, thì bị bắt theo quyết định truy nã của Cảnh sát điều tra Công an tỉnh BT nên cần phải tuyên phạt bị cáo bằng một mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội thời gian đủ để răn đe, giáo dục bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, bị cáo lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

[6] Từ phân tích, nhận định trên Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[7] Về tang, vật chứng vụ án và bồi thường dân sự: Đã được giải quyết trong vụ án trước nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo PĐP phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tại phiên tòa là có căn cứ, nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ: Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2] Tuyên bố: Bị cáo PĐP phạm tội: “Trộm cắp tài sản”

[3] Xử phạt: Bị cáo PĐP **06** (Sáu) tháng tù. Thời gian tính tù tính từ ngày bắt theo Quyết định truy nã ngày 17.02.2021

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo PĐP phải nộp **200.000** đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

Án xử công khai có mặt bị cáo báo cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện TP;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Công an huyện TP;
- Bị cáo.
- Chi cục THADS huyện TP;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bích Thị Kim Pháp

